

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 38/2024/KDTM-ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Đặng Hữu Tân - Ông Trần Thanh Việt

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLST-KDTM, ngày 17 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 647/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 28 tháng 8 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 634/2024/QĐST-KDTM, ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Á. Địa chỉ trụ sở chính: Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L - Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ. Văn bản ủy quyền số: 1285/UQ-QLN.22, ngày 05/7/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Á. Địa chỉ liên hệ: Lầu H, Tòa nhà A, 444A - D C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Huỳnh N - Nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần Á, chi nhánh A. Văn bản ủy quyền số: 318/UQ-QLN.24, ngày 14/3/2024 của Phó Giám đốc Phòng quản lý nợ. Địa chỉ liên hệ: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1989. Nơi cư trú: thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2024. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1952. Có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1953. Vắng mặt.

3.3. Anh Trần Quốc H1, 45 tuổi. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Huỳnh N đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 12/5/2022 Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi là Ngân hàng) và bà Phạm Thị T có thỏa thuận ký kết các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LOX.CN.3543.110522 và hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.3543.110522. Theo đó, Ngân hàng cho bà T vay theo từng khế ước nhận nợ, cụ thể:

1. Khế ước nhận nợ số 387643869 ngày 07/02/2023 vay 850.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 08/02/2023 đến ngày 07/11/2023;

2. Khế ước nhận nợ số 387779939 ngày 08/02/2023 vay 840.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 09/02/2023 đến ngày 08/11/2023;

3. Khế ước nhận nợ số 387911609 ngày 09/02/2023 vay 840.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 10/02/2023 đến ngày 09/11/2023;

4. Khế ước nhận nợ số 388049839 ngày 10/02/2023 vay 470.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 11/02/2023 đến ngày 10/11/2023.

Mục đích vay sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, kinh doanh và gia công vàng, bạc, nữ trang; lãi suất trong hạn 13%/năm, cố định trong thời hạn 03 tháng. Lãi suất sau đó sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn 150%/lãi suất cho vay trong hạn; lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Vào ngày 21/6/2023 Ngân hàng và bà Phạm Thị T thỏa thuận ký kết các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LOX.CN.3498.190623 và hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.3610.190623. Theo đó, Ngân hàng cho bà T vay theo từng khế ước nhận nợ, cụ thể:

1. Khế ước nhận nợ số 401274349 ngày 21/6/2023 vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 22/6/2023 đến ngày 21/3/2024; mục đích vay sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, kinh doanh và gia công vàng, bạc, nữ trang; lãi suất trong hạn

11,50%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn 150%/lãi suất trong hạn; lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm.

2. Khế ước nhận nợ số 407500679 ngày 19/8/2023 vay 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 20/8/2023 đến ngày 19/5/2024; mục đích vay sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, kinh doanh và gia công vàng, bạc, nữ trang; lãi suất cho vay trong hạn 11%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn 150%/lãi suất trong hạn; lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Đồng thời, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng các ngày 29/9/2020, 13/4/2022 của bà T với Ngân hàng, theo đó Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức thẻ 50.000.000 đồng và hạn mức thẻ 100.000.000 đồng cho bà T.

Ngân hàng đã giải ngân cho bà T đủ số tiền của các khoản vay trên thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà Phạm Thị T.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên bà T ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng số LOX.BĐCN.238.240920 ngày 28/9/2020 thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2006, tờ bản đồ số 9, diện tích 648m<sup>2</sup> tọa lạc tại phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số cấp giấy chứng nhận: CH02930 ngày 13/8/2012 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp mang tên Trần Quốc T1. Tài sản thế chấp được Văn phòng Đ, chi nhánh thành phố C chỉnh lý biên động cập nhật tại trang 4 ngày 09/9/2020 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của bà Phạm Thị T. Hợp đồng thế chấp được Phòng C1 chứng nhận ngày 28/9/2020 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh Văn phòng Đ Cao lãnh ngày 28/9/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà T không trả nợ theo thỏa thuận. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà T có trách nhiệm trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 2.438.750.082 đồng; trong đó, dư nợ gốc 1.880.101.321 đồng; nợ lãi trong hạn 85.068.493 đồng; lãi quá hạn 460.600.782 đồng; phạt chậm trả lãi 12.979.486 đồng.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh từ ngày 27/9/2024 với mức lãi suất theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi bà Phạm Thị T thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp, bà Phạm Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

*Quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Quốc H trình bày:* Ông thống nhất lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn về việc bà T có xác lập các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và giấy đề nghị

cấp thẻ tín dụng cũng như bà T có nhận đủ các khoản tiền Ngân hàng giải ngân và sử dụng thẻ tín dụng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Đồng thời bà T có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng số LOX.BĐCN.238.240920 ngày 28/9/2020 thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị T theo nội dung Văn phòng Đ, chi nhánh thành phố C chỉnh lý biến động cập nhật tại trang 4 ngày 09/9/2020 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hợp đồng thế chấp được Phòng Công chứng chứng nhận ngày 28/9/2020 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Cao lãnh ngày 28/9/2020.

Ngân hàng yêu cầu bà Phạm Thị T chịu trách nhiệm trả tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 2.438.750.082 đồng. Trong đó, nợ gốc 1.880.101.321 đồng; nợ lãi trong hạn 85.068.493 đồng; lãi quá hạn 460.600.782 đồng; phạt chậm trả lãi 12.979.486 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 27/9/2024 theo lãi suất thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ; điều khoản sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi bà T trả xong các khoản nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng và Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nếu bà T không trả nợ thì ông đồng ý.

Tuy nhiên, do chưa thu xếp được các nguồn trả nợ nên yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện cho bà T được trả hết nợ gốc, lãi chậm nhất đến tháng 11, 12/2024. Ông xác định tài sản thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay trên là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà T, không liên quan đến ông T1, bà C và ông H1.

*Tại văn bản trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc HI với nội dung:* Ngày 15/8/2024 có nhận được thông báo về kết quả hòa giải. Gia đình chúng tôi thống nhất ý kiến với bà Phạm Thị T, tháng 11 chúng tôi sẽ gửi tiền vào Ngân hàng để chuộc sổ về.

*Tại phiên tòa ông Trần Quốc T1 thống nhất ý kiến của ông Trần Quốc H. Không có ý kiến trình bày bổ sung.*

\* Đại diện Viện kiểm sát Tp. Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thủ tục tố tụng đạt thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS.

\* Ý kiến về nội dung vụ án, đề nghị căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và án lệ số 11/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14/12/2017.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Buộc bà Phạm Thị T - chủ hộ kinh doanh cơ sở gia công, xi mạ nữ trang P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc chưa thanh toán và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LOX.CN.3610.190.623 ngày 21/6/2023, các khế ước nhận nợ kèm theo mà các bên đã ký cho đến khi thanh toán hết số nợ đã vay cho Ngân hàng. Trường hợp bà Phạm Thị T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LOX.BĐCN.238.240920 ngày 28/9/2020 để thi hành án và dành quyền ưu tiên cho ông Trần Quốc T1, bà Nguyễn Thị Kim C, anh Trần Quốc H1 là những người đang sinh sống tại nhà trên đất khi có nhu cầu (nhận chuyển nhượng).

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Phạm Thị T. Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận, nên thuộc tranh chấp về kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại tiểu mục 11.1 Điều 11 của hợp đồng tín dụng số: LOX.CN.3543.110522 ngày 12/5/2022 nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận các tranh chấp giữa các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, một trong các bên có quyền đưa vụ việc ra giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền. Bị đơn cư ngụ tại phường M, thành phố Long Xuyên, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc H1 vắng mặt,

đương sự có mặt không yêu cầu hoãn phiên tòa. Xét thấy, Tòa án đã thu thập thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định nên việc vắng mặt của những người liên quan không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng tín dụng: Ngày 12/5/2022 Ngân hàng và bà T ký điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LOX.CN.3543.110522 và hợp đồng tín dụng số LOX.CN.3543.110522. Theo đó, bà T đã nhận vay 850.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 387643869, ngày 07/02/2023; nhận vay 840.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 387779939, ngày 08/02/2023; nhận vay 840.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 387911609, ngày 09/02/2023; nhận vay 470.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 388049839, ngày 10/02/2023. Mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh; lãi suất trong hạn 13%/năm. Sau đó sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn 150%/lãi suất cho vay trong hạn; lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Ngày 21/6/2023 Ngân hàng và bà T ký điều khoản, điều kiện tín dụng chung số LOX.CN.3498.190623 và hợp đồng tín dụng số LOX.CN.3610.190623. Theo đó, bà T đã nhận 500.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 401274349, ngày 21/6/2023; nhận 2.000.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 407500679, ngày 19/8/2023. Ngoài ra, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng các ngày 29/9/2020, 13/4/2022 giữa bà T với Ngân hàng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng và hạn mức 100.000.000 đồng cho bà T.

[2.2]. Về hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm các khoản vay trên bà T thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02930 ngày 13/8/2012 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp mang tên Trần Quốc T1, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho bà Phạm Thị T ngày 09/9/2020 tại hợp đồng thế chấp số LOX.BĐCN.238.240920 ngày 28/9/2020. Hợp đồng thế chấp được Phòng Công Chứng chứng nhận ngày 28/9/2020 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Cao lãnh ngày 28/9/2020.

[2.3]. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà T không trả vốn, lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu tất toán nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu bà T chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 2.438.750.082 đồng. Yêu cầu bà T tiếp tục chịu lãi phát sinh đến khi trả xong nợ, đồng thời xử lý tài sản thế chấp nếu không trả nợ cho Ngân hàng trong quá trình thi hành án.

[2.4]. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông H đại diện theo ủy quyền bà T thống nhất lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn về việc bà T có xác lập hợp

đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng và thừa nhận tạm tính đến ngày 26/9/2024 bà T còn nợ Ngân hàng tổng nợ gốc và nợ lãi là 2.438.750.082 đồng, xin Ngân hàng tạo điều kiện kéo dài thời gian cho bà T được trả nợ như nêu trên.

[2.5]. Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ ý kiến như trình bày trên, Ngân hàng không đồng ý kéo dài thời gian trả nợ theo yêu cầu bà T. Các đương sự xác định tài sản thế chấp không thay đổi, phát sinh so với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

[3]. Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy, các đương sự thống nhất với nhau về việc xác lập hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản cũng như bị đơn thừa nhận nợ gốc và nợ lãi như đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày. Bị đơn chỉ đề nghị cho thêm thời gian trả nợ, do hoàn cảnh hiện tại có khó khăn.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LOX.CN.3543.110522 và hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.3543.110522; thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LOX.CN.3498.190623 và hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.3610.190623; giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng các ngày 29/9/2020, 13/4/2022; các khế ước nhận nợ do bà T ký nhận nêu trên và hợp đồng thế chấp số LOX.BĐCN.238.240920 ngày 28/9/2020 do bà T và Ngân hàng xác lập để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà T.

[4]. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã tạm nộp 2.000.000 đồng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền thực chi 800.000 đồng, đã hoàn lại Ngân hàng 1.200.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên bà T có nghĩa vụ hoàn trả Ngân hàng 800.000 đồng.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Bà T chịu án phí theo quy định.

Ngân hàng được nhận lại 38.745.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với bà Phạm Thị T.

Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 2.438.750.082đ (Hai tỷ bốn trăm ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 26/9/2024 (ngày 27/9/2024) bà Phạm Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà T vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Phạm Thị T không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LOX.BĐCN.238.240920 ngày 28/9/2020 để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Ngân hàng Thương mại cổ phần A thu hồi nợ thì bà Phạm Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ hoàn lại Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn) đồng.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Phạm Thị T chịu 80.775.000đ (Tám mươi triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A được nhận lại 38.745.000đ (Ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002067, ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.



Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi gửi:**

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**( đã ký)**

**Nguyễn Thị Hoa**